

Số: /2026/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**THÔNG TƯ****Quy định về trang phục riêng, phù hiệu, thẻ kiểm soát viên  
chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về trang phục riêng, phù hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trang phục riêng, phù hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với công chức, viên chức, người làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ được bố trí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng), trừ trang phục, phù hiệu, thẻ kiểm soát viên chất lượng thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công chức được bố trí vào vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là kiểm soát viên chất lượng) thuộc các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Viên chức được bố trí vào vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện nhiệm vụ phục vụ hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

3. Người làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ được bố trí thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về cơ yếu và quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

### **Điều 3. Nguyên tắc và quy định sử dụng trang phục**

Kiểm soát viên chất lượng thực hiện mặc trang phục khi thực thi nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến kiểm tra, kiểm soát hoặc theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị trong các trường hợp công việc khác.

Trang phục phải được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo tác phong nghiêm túc khi mặc trang phục, không sử dụng các phụ kiện hoặc trang sức ngoài quy định làm thay đổi kết cấu trang phục, gây phản cảm hoặc trái với phong tục, truyền thống văn hóa.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ MẪU MÃ, KIỂU DÁNG, HÌNH THỨC, MÀU SẮC, SỬ DỤNG PHỤ HIỆU, TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**

#### **Điều 4. Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng**

Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng là một hình tròn viền ngoài màu vàng, có nền màu đỏ tươi; phía trong có 02 bông lúa màu vàng tươi, phía dưới nối 02 gốc bông lúa có hình vành khuyết viền màu vàng, nền màu xanh lam, bên trong có chữ KSVCL (viết tắt của cụm từ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG) màu trắng; Ở trung tâm biểu tượng là hình khiên màu vàng có viền trong khiên là màu nâu, phía trước là hình chữ V cách điệu màu xanh lá cây có viền bao quanh màu nâu, được đặt cân đối và ôm theo cung tròn. Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng được thể hiện tại hình 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 5. Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ**

Phù hiệu gắn trên mũ kê-pi gồm cảnh tùng kép bằng kim loại có màu vàng bao lấy biểu tượng kiểm soát viên chất lượng được đúc nổi có hình tròn đường kính 35 mm, chiều cao 5 mm. Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng được gắn trên mũ kê-pi thể hiện tại hình 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 6. Phù hiệu gắn trên ve áo**

Phù hiệu gắn trên ve áo trang phục kiểm soát viên chất lượng gồm có hai phần.

1. Phù hiệu gắn trên nền ve áo là biểu tượng thu nhỏ của biểu tượng kiểm soát viên chất lượng, dập nổi, sơn màu như biểu tượng, đường kính là 21 mm, được gắn chính giữa nền ve áo.

2. Nền phù hiệu gắn trên ve áo có hình bình hành, góc nhọn là  $45^\circ$ , góc tù là  $135^\circ$ , chiều dài 55 mm, chiều cao 35 mm; nền màu xanh lam đậm; ở giữa có gắn biểu tượng kiểm soát viên chất lượng. Phù hiệu gắn trên ve áo kiểm soát viên chất lượng được thể hiện tại hình 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 7. Cầu vai gắn trên vai áo**

Cầu vai kiểm soát viên chất lượng được mang trên vai áo trang phục kiểm soát viên chất lượng để phân biệt vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng.

1. Cầu vai của kiểm soát viên chất lượng có hình thang đứng, viền xung quanh màu vàng, nền cầu vai màu xanh lam đậm có hoa văn, một đầu bằng, đầu kia nhọn, chiều cao 130 mm, đáy lớn 45 mm, đáy nhỏ 40 mm. Cầu vai được thể hiện tại hình 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cúc gắn trên cầu vai bằng kim loại màu vàng, đường kính 20 mm là biểu tượng kiểm soát viên chất lượng dập nổi, được gắn ở đầu nhọn của cầu vai. Cúc gắn trên cầu vai được thể hiện ở hình 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quy định về cầu vai cho từng vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng như sau:

a) Cầu vai của kiểm soát viên chất lượng cao cấp có viền màu vàng, trên nền cầu vai thêu dòng chữ màu vàng KSVCL-CC;

b) Cầu vai của kiểm soát viên chất lượng chính có viền màu vàng, trên nền cầu vai thêu dòng chữ màu vàng KSVCL-C;

c) Cầu vai của kiểm soát viên chất lượng có viền màu vàng, trên nền cầu vai thêu dòng chữ màu vàng KSVCL.

Cầu vai cho từng vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng được quy định tại hình 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 8. Mẫu, quy cách trang phục kiểm soát viên chất lượng**

1. Áo sơ mi cho nam và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam.

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nam: màu xanh lam nhạt, cổ đực, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, cửa tay may gấp 2,5 cm, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài bút, hai cạnh giữa nắp túi có đính 1 cúc. Trên gáy nắp túi bên trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển tên. Nẹp áo bên thừa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Mẫu sơ mi ngắn tay cho nam được thể hiện tại hình 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nam: màu xanh lam nhạt, cổ đực, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực có 2 túi ốp nổi, giữa túi có đố, đáy túi vát góc, nắp túi vát góc, có cài bút, giữa nắp túi có đính 1 cúc. Trên gáy nắp túi bên trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển tên. Nẹp áo bên thừa khuyết may nẹp bong, áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Tay áo có thép tay, măng séc cài cúc. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Mẫu sơ mi dài tay cho nam được thể hiện tại hình 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam: màu xanh lam nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đực, vạt áo buông bỏ trong quần. Ngực áo bên trái có một túi ốp nổi không nắp, có cài bút, đáy túi vát góc. Nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Tay áo có thép tay và măng séc cài cúc. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Mẫu áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nam được thể hiện tại hình 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

## 2. Áo sơ mi cho nữ và áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ.

a) Áo sơ mi ngắn tay cho nữ: màu xanh lam nhạt. Kiểu áo sơ mi ngắn tay, cửa tay lờ-vê, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, gấu may 2 cm, áo bỏ ngoài quần. Thân trước có chiết ly ben, chiết ly eo, có hai túi dưới ốp nổi, đáy túi lượn tròn, nắp túi giả, vạt cạnh chữ V. Trên ngực trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển tên. Nẹp áo cài 5 cúc bằng nhựa, đường kính cúc 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Mẫu sơ mi ngắn tay cho nữ được thể hiện hình 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Áo sơ mi dài tay cho nữ: màu xanh lam nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu, gấu may 2 cm, áo bỏ ngoài quần. Tay áo có măng séc cài cúc. Thân trước có chiết ly ben, chiết ly eo, có hai túi dưới ốp nổi, đáy túi lượn tròn, nắp túi giả, vạt cạnh chữ V. Trên ngực trái thừa 2 khuyết ngang để đeo biển tên. Nẹp áo cài 5 cúc bằng nhựa, đường kính cúc 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu. Mẫu sơ mi dài tay cho nữ được thể hiện tại hình 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ: màu xanh lam nhạt. Kiểu áo sơ mi dài tay, cổ đực, vạt buông bỏ trong quần. Thân trước có chiết ly bên và ly eo, nẹp áo cài 5 cúc và 1 cúc chân cổ, cúc áo bằng nhựa khâu liền thân áo, đường kính cúc 10 mm. Thân sau may liền có chiết ly eo sau. Tay áo có măng séc cài cúc. Mẫu sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình 6 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

## 3. Áo khoác cho nam.

### a) Hình dáng bên ngoài:

Màu sắc xanh lam đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thừa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước trên ngực có 2 túi ốp nổi phía trên, giữa

túi có súp, đáy túi vát góc, trên nắp túi bên trái có cài nút, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc. Thùa 2 khuyết ngang trên ngực trái phía trên nắp túi để đeo biển tên. Cúc túi trên đường kính 18 mm, cúc túi dưới đường kính 22 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng khâu liền thân áo, túi áo. Túi dưới bỏ coi chìm, có nắp túi lượn cánh én, có cài khuyết nắp túi. Thân sau có sống sau, sẻ dưới. Tay dài 2 mang có xé cửa tay giả, mỗi bên đính 4 cúc kim loại màu vàng đường kính 18 mm. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước có 2 túi lót. Mẫu áo khoác cho nam được thể hiện tại hình 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Áo khoác cho nữ.

a) Hình dáng bên ngoài:

Màu sắc xanh lam đậm. Kiểu áo khoác ngoài, cổ bẻ 2 ve, hai bên đầu lá cổ thùa 2 khuyết đeo cấp hiệu. Thân trước phía dưới có hai túi coi bỏ chìm 1 cm, có nắp túi, cài khuyết, cạnh nắp túi lượn tròn cài cúc đường kính 18 mm. Nẹp áo cài 4 cúc đường kính 22 mm. Cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng khâu liền thân áo, túi áo. Thân trước phía trên bên trái thùa 2 khuyết ngang để đeo biển tên. Thân sau có sống sau, xẻ dưới. Tay dài 2 mang quây tròn, đính 3 cúc kim loại mạ màu vàng đường kính 18 mm. Vai áo có dây vai đeo cấp hiệu.

b) Hình dáng bên trong:

Áo có lót thân cùng màu vải chính, thân trước bên phải có 1 túi lót. Mẫu áo khoác cho nữ được thể hiện tại hình 8 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quần âu cho nam

Màu sắc xanh lam đậm. Kiểu quần âu dài, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước xếp 1 ly lật về phía sườn. Thân sau chiết 1 ly, có 1 túi hậu. Cạp quần có 6 dây để luồn thắt lưng. Cạp quần có quai nhê. Mẫu quần âu cho nam được thể hiện tại hình 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quần âu cho nữ

Màu sắc xanh lam đậm. Kiểu quần âu ống đứng, có 2 túi chéo dọc quần, cửa quần khóa kéo. Thân trước và thân sau chiết ly. Cạp quần có quai nhê. Mẫu quần âu cho nữ được thể hiện tại hình 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Mũ kê-pi, cà vạt

a) Mũ kê-pi

Màu sắc xanh đậm, thành mũ màu xanh nhạt. Kiểu mũ vành cong, có lưỡi trai, có thành mũ, phần thành mũ phía trán có gắn dây coóc-đông màu vàng, hai đầu dây có cúc chốt kim loại hình tròn đường kính 16 mm, màu vàng, có hình ngôi sao 5 cánh nổi. Chính giữa thành mũ có lỗ ôzê để gắn phù hiệu, đường kính

biểu tượng 35 mm. Mẫu mũ kê-pi thể hiện tại hình 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Cà vạt:

Màu sắc xanh đậm. Kiểu cà vạt có dây chun được cài móc, có khóa điều chỉnh độ dài ngắn, củ ấu được thắt sẵn có dựng bằng nhựa PVC. Mẫu cà vạt được thể hiện tại hình 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Các loại trang bị khác

a) Thắt lưng: Bao gồm 2 phần cốt dây và khóa.

Dây: Mặt ngoài dây: Màu nâu đen, màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn, không sờn sù hoặc tách lớp. Mặt trong dây: Màu sắc đồng đều, bề mặt nhẵn hoặc nổi hoa mịn; cạnh dây được vuốt tròn, đuôi dây cắt tròn và vuốt cạnh.

Khóa: Bề mặt khóa nhẵn bóng, lô-gô cách điệu trên khóa cân đối rõ nét; đường viền sắc nét, gọn, dập sâu đồng đều; các mép, cạnh và lỗ gia công phải làm nhẵn, không còn ba vĩa. Mẫu thắt lưng cho nam, nữ được thể hiện tại hình 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Giày da:

Giày da cho nam: Da mũ giày màu đen, nẹp có 4 cặp lỗ ôzê buộc dây cố định. Đế có hoa văn chống trơn trượt, đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp. Mẫu giày da cho nam được thể hiện tại hình 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Giày da cho nữ: Da mũ giày màu đen. Kiểu giày thuyền, lắ liền không vân ngang. Đế có hoa văn chống trơn trượt, đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp và đóng đinh chữ U phần gót. Mẫu giày da cho nữ được thể hiện tại hình 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 9. Biển tên kiểm soát viên chất lượng**

1. Biển tên kiểm soát viên chất lượng được đeo ở ngực trái áo trang phục kiểm soát viên chất lượng có hình chữ nhật dài 85 mm, rộng 20 mm, nền màu xanh đen, được làm bằng chất liệu nhựa cao cấp.

2. Bên trái là biểu tượng kiểm soát viên chất lượng theo quy định Điều 4 của Thông tư này.

3. Bên phải từ trên xuống dưới là họ tên người mang biển tên; số hiệu người mang biển tên (trùng với số hiệu ghi trên thẻ kiểm soát viên chất lượng).

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**

**Điều 10. Mẫu Thẻ kiểm soát viên chất lượng**

1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng là giấy tờ chứng minh tư cách khi thi hành công vụ, chứa đựng thông tin về hình ảnh, họ tên, chức danh, đơn vị công tác của công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng, do cơ quan có thẩm quyền cấp để sử dụng trong quá trình làm việc và xuất trình khi thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định.

2. Thẻ được làm bằng bìa cứng có ép plastic; hình chữ nhật, rộng 70 mm, dài 100 mm.

3. Thẻ kiểm soát viên chất lượng gồm có 02 mặt:

a) Mặt trước hình 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; có 02 đường viền màu xanh lam; nền màu vàng, chính giữa in chìm biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 19 mm; góc trên bên trái in biểu tượng kiểm soát viên chất lượng đường kính 15 mm, góc trên bên phải in mã QR kích thước 18 mm x 18 mm.

Nội dung trên mặt trước có các thông tin:

- Quốc hiệu: Chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 8.
- Tiêu ngữ: Chữ in thường, đậm, màu đen, gạch chân, cỡ chữ 8.
- Thẻ kiểm soát viên chất lượng: Chữ in hoa, đậm, màu đỏ, cỡ chữ 12.
- Số hiệu: ghi mã số kiểm soát viên chất lượng, đậm, màu đen cỡ chữ 10.
- Họ và tên: Ghi họ tên công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Chức danh: Ghi chức danh của người được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Cơ quan: Ghi tên cơ quan hiện đang công tác, chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Ảnh chân dung của người được cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng: Mặc áo trắng trên nền xanh, ảnh chụp kích thước 2 cm x 3 cm.
- Hạn sử dụng: Chữ in thường, cỡ chữ 10; dòng dưới ghi ngày hết hạn bằng số in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.
- Chức danh người có thẩm quyền ký cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng, chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 8.
- Chữ ký và họ tên của người có thẩm quyền ký cấp Thẻ kiểm soát viên chất lượng.
- Dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ: Con dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ được đóng tại góc dưới bên phải mặt trước của thẻ, cùng với chữ ký của người có thẩm quyền.

b) Mặt sau hình 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này có nền màu vàng, gồm:

- Dòng ghi “NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG”, chữ in hoa màu đỏ, đậm, cỡ chữ 12.

- Dòng ghi nội dung của những quy định, chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 10.

### **Điều 11. Số hiệu kiểm soát viên chất lượng**

1. Mỗi công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng được cấp 01 số hiệu. Số hiệu kiểm soát viên chất lượng được cấp trong các trường hợp sau:

a) Được xếp vào vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng hoặc được xếp vào vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng cao hơn;

b) Chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá.

2. Số hiệu kiểm soát viên chất lượng được đặt theo cấu trúc:

[Mã phân loại đối tượng]. [Mã vị trí việc làm]. [Số căn cước công dân].

Trong đó:

- Mã phân loại đối tượng:

CC: Công chức giữ vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng.

VC: Viên chức giữ vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng.

- Mã vị trí việc làm

KSVCC: Kiểm soát viên chất lượng cao cấp

KSVC: Kiểm soát viên chất lượng chính

KSV: Kiểm soát viên chất lượng

- Số căn cước công dân (CCCD) chính là số định danh cá nhân, bao gồm một dãy 12 chữ số duy nhất được cấp cho mỗi công dân Việt Nam từ khi đăng ký khai sinh.

### **Điều 12. Mã hoá thông tin trong bộ phận lưu trữ trên thẻ kiểm soát viên chất lượng**

1. Bộ phận lưu trữ thông tin trên thẻ kiểm soát viên chất lượng là mã QR gắn ở mặt trước của thẻ.

2. Thông tin được mã hóa QR gồm:

a) Họ và tên, số hiệu kiểm soát viên chất lượng;

b) Thông tin về chức danh, cơ quan, đơn vị đang công tác;

c) Tình trạng hiệu lực thẻ (còn hiệu lực, tạm đình chỉ, thu hồi).

### **Điều 13. Trách nhiệm quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về kiểm soát viên chất lượng**

1. Cơ quan quản lý công chức, viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát, xác thực, cập nhật và quản lý thông tin của công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Bộ KH&CN) quản lý hoặc cơ sở dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý;

b) Thông tin về kiểm soát viên chất lượng phải được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời;

c) Thực hiện rà soát, đối chiếu và chỉnh lý dữ liệu định kỳ.

2. Công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm cập nhật, kê khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cá nhân, thông tin chuyên môn, nghiệp vụ trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ KH&CN quản lý hoặc cơ sở dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý.

#### **Điều 14. Quản lý, sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng**

1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng có giá trị sử dụng trong thời gian công chức, viên chức được cấp thẻ giữ vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng.

2. Công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng được sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng của mình trong khi làm nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và theo quy định của pháp luật.

3. Công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng phải nộp lại thẻ kiểm soát viên chất lượng cho cơ quan quản lý trực tiếp trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng;
- b) Chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hoá;
- c) Thôi việc, nghỉ hưu;
- d) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng thực hiện nhiệm vụ kiểm soát viên chất lượng, công chức, viên chức không được sử dụng thẻ kiểm soát viên chất lượng để thực hiện nhiệm vụ.

5. Cơ quan quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; quản lý, lưu giữ hoặc xử lý thẻ theo quy định.

6. Trường hợp thẻ kiểm soát viên chất lượng bị mất, hư hỏng thì thực hiện cấp lại theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

#### **Điều 15. Quy định về cấp phát thẻ kiểm soát viên chất lượng**

1. Thẻ kiểm soát viên chất lượng (sau đây viết tắt là thẻ) được cấp cho từng công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng.

2. Mỗi công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng được cấp 01 thẻ. Thẻ được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Thông tin ghi trên thẻ có thay đổi hoặc có sai sót;
- b) Thẻ bị mất;
- c) Thẻ bị rách, nát, hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng.

3. Trường hợp cấp lại thẻ theo quy định tại khoản 2 Điều này, số hiệu kiểm soát viên chất lượng được giữ nguyên theo số hiệu đã được cấp trước đó.

4. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng quyết định cấp thẻ hoặc phân cấp bằng văn bản cho đơn vị trực thuộc thực hiện.

#### **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN CẤP PHÁT, QUẢN LÝ TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**

#### **Điều 16. Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát trang phục**

Tiêu chuẩn trang phục chung đối với kiểm soát viên chất lượng và niên hạn sử dụng (được tính cho một công chức, viên chức), cụ thể như sau:

1. Áo, quần xuân - hè: 01 bộ/ 01 năm (năm đầu cấp 02 bộ).
  - a) Nam: 01 áo cộc tay, 01 quần;
  - b) Nữ: 01 áo cộc tay, 01 quần.
2. Áo, quần thu - đông: 01 bộ/ 02 năm (năm đầu được cấp 02 bộ).
3. Áo sơ mi màu xanh lam nhạt, dài tay, cổ đứng để thắt cà vạt dùng cho cả nam và nữ mặc trong áo thu - đông: 01 chiếc/ 01 năm (năm đầu được cấp 02 chiếc).
4. Áo khoác cho nam và áo khoác cho nữ: 01 chiếc/ 02 năm.
5. Mũ kê-pi: 01 chiếc/ 05 năm.
6. Cà vạt: 01 chiếc/ 02 năm.
7. Giày da: 01 đôi/ 02 năm.
8. Thắt lưng: 01 chiếc/ 02 năm.
9. Biểu tượng, cầu vai kiểm soát viên chất lượng: khi hỏng thì đổi.

#### **Điều 17. Cách thức tổ chức may và cấp phát trang phục**

1. Cơ quan có công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng chịu trách nhiệm trang bị, quản lý và cấp phát cho công chức, viên chức của đơn vị mình.

2. Thời gian cấp trang phục kiểm soát viên chất lượng hàng năm: Cấp 01 đợt/năm.

3. Căn cứ đặc thù về điều kiện thời tiết, điều kiện công tác tại từng khu vực và nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan quản lý công chức, viên chức chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng quyết định việc chuyển đổi cấp áo khoác sang trang phục khác cho công chức, viên chức nhưng không được vượt quá đơn giá trang phục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 18. Kinh phí để may trang phục kiểm soát viên chất lượng**

Kinh phí may trang phục kiểm soát viên chất lượng do các cơ quan, tổ chức nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm hoặc theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ Thông tư số 26/2011/TT-BKHHCN ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển tên, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Thông tư số 10/2015/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2011/TT-BKHHCN ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về trang phục, phù hiệu, biển tên, thẻ kiểm soát viên chất lượng đối với công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

### **Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với công chức đang giữ ngạch kiểm soát viên chất lượng đã được cấp trang phục và thẻ kiểm soát viên chất lượng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng đến khi được cấp mới theo quy định.

Khi được cấp trang phục và thẻ kiểm soát viên chất lượng theo quy định tại Thông tư này, không được sử dụng trang phục, thẻ kiểm soát viên chất lượng đã được cấp theo mẫu của Thông tư số 26/2011/TT-BKHHCN ngày 04 tháng 10 năm 2011 và phải nộp lại thẻ kiểm soát viên chất lượng cho cơ quan quản lý.

### **Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) để hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng pháp luật quốc gia;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC (10).

**BỘ TRƯỞNG**

**Vũ Hải Quân**

**Phụ lục I**

**MẪU BIỂU TƯỢNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Hình 1: Biểu tượng kiểm soát viên chất lượng**



**Hình 2: Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên mũ kê-pi**



**Hình 3: Phù hiệu kiểm soát viên chất lượng gắn trên ve áo**



**Hình 4: Cầu vai kiểm soát viên chất lượng**



**Hình 5: Cúc gắn trên cầu vai**



**Hình 6: Cầu vai cho từng vị trí việc làm chuyên ngành kiểm soát viên chất lượng**



**Phụ lục II**  
**MẪU, QUY CÁCH TRANG PHỤC KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026*  
*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Hình 1: Áo sơ mi ngắn tay cho nam**



**Hình 2: Áo sơ mi dài tay cho nam**



**Hình 3: Áo sơ mi dài tay cho nam mặc trong áo khoác**



**Hình 4: Áo sơ mi ngắn tay cho nữ**



**Hình 5: Áo sơ mi dài tay cho nữ****Hình 6: Áo sơ mi mặc trong áo khoác cho nữ**

**Hình 7: Áo khoác cho nam**



THÂN TRƯỚC

THÂN SAU

**Hình 8: Áo khoác cho nữ**



THÂN TRƯỚC

THÂN SAU

**Hình 9: Quần âu cho nam**



**Hình 10: Quần âu cho nữ**



**Hình 11: Mũ kê-pi**



**Hình 12: Cà vạt**



**Hình 13: Thắt lưng nam, nữ**



**Hình 14: Giày nam**



**MẶT BÊN GIÀY**



**MẶT TRƯỚC GIÀY**



**MẶT ĐÉ GIÀY**

**Hình 15: Giày nữ**





**Phụ lục III**  
**MẪU BIỂN TÊN, THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BKHCN ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**Hình 1. Biển tên kiểm soát viên chất lượng**

	<b>HỌ VÀ TÊN</b> <b>SỐ HIỆU</b>
---	------------------------------------

**Hình 2. Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt trước**

	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <b>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</b></p> <p><b>THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG</b> Số hiệu : .....</p>	
<div style="border: 1px dashed black; width: 100px; height: 80px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">Ảnh 2x3</div>	<p>HỌ VÀ TÊN:.....</p> <p>CHỨC DANH: .....</p> <p>NOI CÔNG TÁC:.....</p> <p style="text-align: right;">... ngày...tháng...năm <b>CHỨC DANH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CẤP</b> (Ký tên, đóng dấu)</p>	

**Hình 3. Thẻ kiểm soát viên chất lượng mặt sau**

<p><b>NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chỉ dùng thẻ khi thi hành nhiệm vụ kèm theo trang phục.</li><li>2. Không cho mượn, làm nhàu nát, hư hỏng thẻ.</li><li>3. Khi chuyển công tác khác, phải giao Thẻ cho cơ quan quản lý.</li><li>4. Trường hợp thẻ kiểm soát viên chất lượng bị mất hoặc hư hỏng thì phải báo cơ quan quản lý biết để xử lý hoặc cấp lại theo thẩm quyền.</li></ol>
---